

Bản án số: 67/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18-6-2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Dũng
2. Bà Vòng Cảnh Mỹ Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương: không tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 182/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đinh Ngọc T, sinh năm: 1989; địa chỉ: Số F, ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. SĐT: 0838.066.663, vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Vy H, sinh năm: 1982; địa chỉ: Số C, đường N, Khu phố G, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. SĐT: 0344.142.934, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 26/3/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đinh Ngọc T1 trình bày:

Vào tháng 6/2024, ông T1 và bà Nguyễn Thị Vy H sống chung chính thức vợ chồng với nhau và đã được Ủy ban nhân dân xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 34/2024, ngày 01/07/2024.

Cuộc sống chung vợ chồng giữa ông T1, bà H thời gian đầu có hạnh phúc. Từ đầu tháng 10/2024 đến nay bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến về cách sống, cách nghĩ. bà H ghen tuông vô cớ, chửi bới ông T1 nhiều lần tại nơi ông T1 làm việc làm cho ông T1 mất mặt với mọi người trong công ty. Tuy nhiên, Vì muốn duy trì cuộc sống hôn nhân nên ông T1 cố gắng nhẫn nhịn, chịu đựng để mong hàn gắn tình cảm. Thời gian kéo dài chẳng những không giữ được tình cảm mà mâu

thuần ngày càng gay gắt và trầm trọng hơn. Nhận thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông T1 làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà H.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Bị đơn bà Nguyễn Thị Vy H:** Quá trình giải quyết vụ án, bà H không đến Tòa án trình bày sự việc, giao nộp chứng cứ, không tham gia phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đinh Ngọc T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị Vy H đã được triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng không đến tham gia phiên tòa. Do đó, căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa xét xử vắng mặt ông T, bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án (quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Do bị đơn có nơi cư trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn liên quan đến quyền nhân thân nên thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện (quy định tại Điều 39, khoản 1 Điều 155 của Bộ luật Dân sự).

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

[2.1] Về hôn nhân: Ông T, bà H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà được tôn trọng và pháp luật bảo vệ. Ông T nộp đơn yêu cầu ly hôn do cả hai bất đồng quan điểm sống, bà H ghen tuông vô cớ, chửi bới ông T nhiều lần tại nơi ông T làm việc làm cho ông T mất mặt với mọi người trong công ty. Bà H không đến Tòa án trình bày ý kiến, phản bác lại ý kiến của ông T. Do đó, ý kiến trình bày của ông T thuộc trường hợp tình tiết không cần phải chứng minh quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Tuy nhiên, qua lời trình bày của ông T, Tòa thấy rằng: Mâu thuẫn tình cảm giữa ông T và bà H là có thật, cả hai đã sống ly thân nhau khoảng 04 tháng nay, mỗi người một quê, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, nền tảng một gia đình hạnh phúc không có. Tòa án thông báo cho bà H đến hòa giải, hàn gắn tình cảm nhưng bà H không đến, không đồng ý nhận thông báo. Chứng tỏ bà H cũng không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông T và bà H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T.

[2.2] Về con chung: Không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T trình bày không có.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông T chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định pháp luật. Ông T được trừ vào số tiền nộp tạm ứng đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 4 Điều 147, các điều 266, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 39, khoản 1 Điều 155 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Ngọc T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Vy H về việc “ly hôn”.

- Về hôn nhân: Ông Đinh Ngọc T được ly hôn bà Nguyễn Thị Vy H (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 34, đăng ký ngày 01/7/2024 tại UBND xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang).

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông T chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001550, ngày 26/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Ông T, bà H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình